The Nguồn language of Quảng Bình, Vietnam

NGUYÊN Phú Phong EHESS-CNRS, Centre de Recherches Linguistiques sur l'Asie Orientale et Université Paris 7

1. Introduction

Today, the Nguồn population numbers about 20.000 persons. Going upstream on the river Nguồn Nậy, the Nguồn can be sighted at Đồng Lê, nearly 50 kilometres from National Highway 1. The Reverend L. Cadière (1905:349-50), accurately situated the Nguồn residential area and its administrative divisions at the beginning of the century.

« La moyenne vallée du Nguồn-Nậy, et surtout la haute vallée du Nguồn-Năn, sont habitées par deux populations: les gens du Năm-Nguyên, ou du Nguồn, et les Thất-Sáč, ou Sáč, ...

La population du Năm-Nguyên, ou du Nguồn, est répartie en onze villages, tous échelonnés dans la haute vallée du Nguồn-Năn. Ils sont divisés en deux groupes, comprenant chacun cinq villages, d'où le nom de Năm-Nguyên, « les cinq Nguyên ». Le premier groupe, situé plus au Nord, comprenant les villages de Kwidat (Qui-dat) 歸達, An-dúk (An-dúc) 安德, Ba-nương 宫 蒗, Thañ-long (Thanhlong) 青龍 et Tân-kiều 新橋 (récemment divisé en deux: Tân-kiều et Tân-hợp 新合). Ce premier groupe forme, avec quelques villages annamites du moyen Nguồn-Nây, le canton de Kơ-sa (Cơ-sa) 沙. — Le second groupe comprend les villages de Kổ-liêm 古廉, Bốk-thọ 卜壽 (aujourd'hui An-thọ 安壽), Kim-bãng 金榜, Tân-lí 新里 et An-lak 安樂. C'est aujourd'hui le canton de Kim-liñ 金齡.»

The geographic location of the Nguồn residential area has not changed since then, but today the former Tuyên Hoá district is divided into two: Minh Hoá, whose chief town is Qui Đạt, and Tuyên Hoá, which has its seat at Đồng Lê. Therefore, Minh Hóa is now the territory of the Nguồn and the Sách, while Minh Hoá is inhabited by the Nguồn and the Vietnamese. The point that is to be stressed is that the Nguồn have been living in the neighborhood of the Vietnamese and the Sách.

The history of the Nguồn people is still to be written. According to J. Cuisinier (1948:24), the Nguồn people are Mường: « ... dans le Quảng Bình les Mường s'appellent et sont appelés les Nguồn. » On the other hand, Mạc Đường (1964:34-36) claims that the Nguồn are Vietnamese who emigrated from Nghệ An and Hà Tĩnh and settled in the west of Quảng Bình towards the beginning of the 17th century. Nguyễn Dương Bình (1975:479-81) is of the same opinion. Like

MON-KHMER STUDIES 26:179-190

Mạc Đường, he refers to family records to support his theory on the Vietnamese origin of the Nguồn. Mạc Đường (op. cit., p. 34) actually affirms that in the 1960 census, nearly all the Nguồn declare their membership of the Việt ethnic group, dismissing the name Nguồn by which they were identified before 1960. In the reference work on the "determination" of minorities, edited by the Viện Dân Tộc Học (Institute of Ethnology) of Hanoi, the name Nguồn is not even mentioned in the list of ethnic minorities (1975:15-19).

It seems that political considerations are decisive for the Vietnamese authors cited above, in binding the Nguồn to the Việt. It is not surprising that from this point of view the Nguồn language is considered to be a Vietnamese dialect rather than a Mường dialect.

2. Field work

The pioneer in Nguồn studies is undoubtedly L. Cadière of La Société des Missions étrangères de Paris. As early as 1905, he had already published ethnographic and linguistic notes about the Nguồn people.

I, myself, have made field trips to study the Nguồn language in the district of Minh Hoá; the first time was in 1985. I went back there again in 1991. In 1985 my two informants were Cao Ngạn, 77, and Đinh Trược, 66, who were both born in the commune of Trung Hoá (ancient name: Thác Dài), Cổ Liêm village (other name: Trèm).

In 1991, my investigations took place in two different localities:

- in Cổ Liêm village; the informants were Thái Xuân Đào and Cao Ngọc Minh, both aged 40.
- in the coopérative of Yên Thọ or Bốc Thọ, Tân Hoá village; the informants were Trương Sức, 59; Trần Văn Phấn, 65; and Trương Quang Tiến, 19.

3. Phonology

Our predecesors have talked of Nguồn as if it were a homogenous language. In fact, there is more than one Nguồn dialect, and for this reason I have chosen two for phonological description: the dialect of Cổ Liêm and the dialect of Yên Thọ (or An Thọ).

In Nguồn, as in Vietnamese, words are largely monosyllabic. Each syllable contains an initial, a nucleus and a tone. We examine successively these elements in comparison with Vietnamese whose phonetic system is well known. Below, the order of citation is Vietnamese, Nguồn of Cổ Liêm (CL), Nguồn of Yên Thọ (YT). Quốc ngữ script, i.e. Vietnamese alphabet, is used for Vietnamese examples.

¹ Thanks to Trần Trí Đỗi of Hanoi University for helping me carry out my field trips. Of course, any errors in this paper are mine.

3.1 Initials

3.1.1 Labials

Corresponding to the Vietnamese voiced b, CL has the voiceless p in opposition to the YT dialect which has undergone the same change as in Vietnamese:

Việt	CL	YT				
b	p	b	bông	pom ¹	bom ¹	'flower'
	-		bụng	puŋ4	buŋ ⁴	'belly'
			bó	po^3	bo^3	'bundle'
b	b	b	bő	bo ³	bo^3	'father'
			bò	bo^2	b^2	'ox'

What corresponds to the Việt fricative f, is generally the aspirated p' in Nguồn. But as shown in some examples, instead of p', we may have b in YT:

Việt	CL	YT				
$f(ph)^2$	f	f	phân	făn¹	fðn¹	'manure'
f(ph)	p'	b	phồng phổi	p'uŋ² p'on ⁵	buŋ ⁶ bon ⁵	'to inflate' 'lung'
f(ph)	p'	p'	pheo phần	p'ew ¹ p'ěn ²	p'ew ¹ p'ěn ²	'bamboo' 'portion'

In relation with the Vietnamese voiced v, we have the following correspondences in the two dialects of Nguồn:

Việt	CL	YT				
v ·	p	b	vôi	pon ¹	bon ¹	'lime'
	_		vỏ	po ⁶	b56	'shell, bark (of tree)'
V	V	b	*vết	vet ⁷	bet ⁷	'trace, mark'
V	p	V	*vụng	pom ⁴	vuŋ ⁴	'clumsy'
V	p	m	vuốt	put ⁷	mut ⁷	'to smooth'
V	p'	p'	vð	p'o ⁵	p'o ⁵	'to clap, tap'
V	V	v	voi	vəj ¹	vəj ¹	'elephant'
			vit	vit ⁸	vit ⁸	'duck'

Note that in Vietnamese, vung 'clumsy' and vét 'trace' have bong and bot as variant forms, respectively.

Many examples illustrate the change of a Proto-Việt-Mường (PVM) b into v in Nguồn and to m in present-day Vietnamese:

² Quốc ngữ scripts are shown within brackets.

CL	YT				
m	m	mỡ	mə ⁵	mə ⁵	'grease, fat'
		mua	mɨa¹	mɨa¹	'rain'
V	m	*màng	vaŋ ³	maŋ²	'(spider's) web'
	(rau)) muống	vuoŋ ³	muon ³	'bindweed, spinach'
m	V	mái	maj ³	van ³	'roof (Ruc:bal')'
V	V	may	văn ¹	văn ¹	'to sew (Ruc:băl)'
		muối	vəi ³	vəi ³	'salt (Ruc:boj')'
	v m	m m v m (rau) m v	m m mỡ mưa v m *màng (rau) muống m v mái v v may	m m mỡ mə ⁵ mưa mia ¹ v m *màng vaŋ ³ (rau) muống vuoŋ ³ m v mái maj ³	m m mỡ mə 5 mə 5 mua mia 1 mia 1 v m *màng van 3 man 2 (rau) muống vuon 3 muon 3 m v mái maj 3 van 3 v v may văn 1 văn 1

^{*}Besides màng nhện 'cobweb', we have also váng nhện in Vietnamese.

3.1.2 Apicals

The PVM sibilant s generally has changed to t in Vietnamese and Nguồn. But instead of t, the aspirated t' may be produced in both dialects of Nguồn, a correspondence which is also found in Western Mường dialects (Thạch Bì [Hoà Bình], Mĩ Sơn [Hà Đông], Nho Quan [Ninh Bình], Cf. Maspero 1912:44). Notice a peculiar feature of the YT dialect: the stop t is often replaced by a glottal stop ?.

Việt	CL	YT				
t	t	?	tởi	toj ⁵	?эj ⁵	'garlic'
			tim	tim ¹	?im ¹	'heart'
t	ť	ť	tôm	t'om1	t'om1	'shrimp'
			tay	t'ăj¹	t'ăj¹	'hand'
			tóc	ť ăk ⁷	t'ăk ⁷	'hair'

CL still preserves the apical t which has become d in YT and in Vietnamese (d in quốc ngữ). Like the voiceless t, the voiced d is often replaced in YT by t?

Việt	CL	YT				
d (đ)	d	d	độc	dok ⁸	dok ⁸	'poisonous'
			điếu	diew ³	diew ³	'pipe (of tobacco)'
d (đ)	d	?	đu đủ	du ¹ du ⁵	?u¹ ?u ⁵	'papaw (bot.)'
			đèn	den2'	?en²	'lamp'
d (đ)	t	d	đám	tam ³	dam ³	'crowd'
			đội	toj ⁴	doj ⁴	'to carry on head'
d (đ)	t	7	đói	ton ³	?on3	'hungry'
			đất	tăt ⁷	?št ⁷	'earth'

What corresponds to the Vietnamese aspirated stop t'(th) is generally the same phoneme in Nguồn but in its place we may also find the affricate h. One single example illustrates the correspondence Nguồn-Việt: $\dot{s} - t'(th)$; this correspondence is, however, attested in Vietnamese in the pairs seo - theo 'scar', sinh - thình 'to swell' and sua - thua 'sparse':

Việt	CL	YT				
t' (th)	ť	ť	thở	t'ə ⁵	t'ə ⁵	'to breathe'
• •			thit	t'it ⁸	t'it ⁸	'meat'
t' (th)	ť	h	*thối	t'oj ³	hoj ³	'to stink'
t' (th)	h	h	*thom	həm1	həm ¹	'to smell good'
t' (th)	Š	Š	thưa	šia ¹	šia ¹	'sparse'

*K. Gregerson (1969:156) notes that « Vietnamese /th/ corresponds often to Mường /h/... » There is one example where the aspirated t in CL corresponds to \dot{s} in YT and h/s in Vietnamese: t on \dot{s} $\dot{$

Different Nguồn phonemes correspond to d in quốc ngữ script (pronounced /z/ in Tonkinese dialects and /j/ in Cochinchinese dialects):

Việt	CL	YT				
z/j (d)	z/j	z/j	dốc	zok ⁷	jok ⁷	'slope'
			dâu	zu ¹	zu ¹	'daughter-in-law'
			dầu	jðw²	zðw ²	'oil'
z/j (d)	t	?	da	ta ¹	?a¹	'skin'
			dao	taw ¹	?aw1	'knife'
			dày	tăj ²	?ăj ²	'thick'
			dưới	tiəj ³	?iəj³	'under (neath)'
z/j (d)	ť	-	*dð	t'o ⁵	•	'to comfort'
z/j (d)	C	c	dượng	ciəŋ4	cian ⁴	'mother's brother-in-law'
z/j (d)	C	Z	dấm	căm³	zəm³	'vinegar'
z/j (d)	j	C	dép	jεp ⁷	cep ⁷	'sandal'
z/j (d)	di	di	dừa	djia2	djia ²	'coconut palm'

*The correspondence d - t also holds good for the dialects of Huế and of Northern Quảng Bình (L. Cadière, 1902:66-67).

Concerning the lateral l, we have the following examples:

Việt CL YT

l lông
$$lom^1$$
 lom^1 'feather, hair (of body)'
 $l\tilde{\delta}$ lo^6 lo^6 'hole'

Nguồn still preserves the preglottalized d, which has become the alveolar nasal n in Vietnamese. This sound is strongly palatalized in some examples and can be transcribed as d: dak^7/d^jak^7 'water'. In the Nguồn dialect of Sat it is pronounced j, which is very close to z in the Như Xuân dialect where «deer», zay corresponds to nai in Vietnamese (H. Maspero, 1912:61). The example in Vietnamese, d am/n am ba xu 'five to three cents', shows that the preglottalized d has sometimes changed into z (d in quốc ngữ) in this language. The following correspondences show that the present-day Vietnamese nasal n has come from two different origins:

Việt	CL	YT				
n	n	n	nước	n i ək ⁷	n i ək ⁷	'country'
			năm	năm ¹	năm ¹	'year'
n	d/di	d/di	nước	dak ⁷	/djak ⁷	'water (Sat: jak ⁷)'
			nếp	ep dep ⁷ /djep ⁷		'glutinous rice'
			no	dăm ¹	dăm1	'full (after eating)'
			năm	dăm ¹	dăm ¹	'five'

3.1.3 Retroflex

It may be said that Nguồn no longer has any consonant clusters. In CL the initial clusters bl and tl, which were still found in Middle Vietnamese, have changed into t and sometimes into l, the stop t being dropped in the last instance. In YT the cluster's stop manifests itself in some examples by a slight ?.

Việt	CL	YT				
t (tr)	t	? 1	trời	təj²	?ləj²	'sky'
	•		trăng	tăŋ¹	?lǎŋ¹	'moon'
			trâu	tu ¹	?lu¹	'water buffalo'
t (tr)	t	1	trái	taj ³	laj ³	'fruit'
t (tr)	Ī	1	tranh	lăn¹	lăn¹	'reed'

The apical retroflex spirant \dot{s} is derived from an older fusion of a prefix plus r. The cluster prefix+r is still preserved in Ruc and is manifest in Vietnamese as shown in the pair $tr \delta ng/s \delta ng$ 'male'. But instead of \dot{s} , we may have the aspirated t in CL. For each of the correspondences Việt - Nguồn: $\dot{s}(s) - v$ and $\dot{s}(s) - l$, only one example is found:

Việt	CL	YT				
š (s)	Š	Š	sao	šaw ¹	šaw ¹	'star'
			sỏi	šon ⁵	šon ⁵	'gravel'
			trống/sống	šom³	šom³	'male (of chicken)'
š (s)	ť	Š	sét	t'et ⁷	šet ⁷	'rust'
			song	t'om¹	šom¹	'rattan'
š (s)	r	r	sữa	ra ⁵	ra ⁵	'milk'
š (s)	1	1	sáng	laŋ³	laŋ³	'bright, to light'

The «curieux» instances where the Vietnamese r corresponds to an aspirated t in the Northern Muờng were pointed out by Maspero (1912:67). This correspondence also occurs in Nguồn. For the correspondence Nguồn-Việt $\delta/t-r$, only one example is found:

Việt	CL	YT				
r	r	r	rậm	rðm ⁴	rðm ⁴	'bushy'
			rễ	ret ⁷	ret ⁷	'root'
r	t*	t'	răng	t'ǎŋ¹	t'ăŋ¹	'tooth'
			rắn	t'ăn³	t'ăn³	'snake'
r	Š	t	rống	šom ³	tom ³	'to trumpet (elephant)'

3.1.4 Palatals

Generally speaking, corresponding to the voiceless c in Nguồn, Vietnamese has the voiceless c (ch) for first register tones and the voiced j (gi) for second register tones. The palatal c in CL often corresponds to a stop, whether d, t, or l in the YT dialect. Other Việt-Nguồn correspondences also may be noted:

Việt	CL	YT				
c(ch)	S	C	chí	si ³	ci ³	'louse (in hair of head)'
			chị	si ⁴	ci ⁴	'elder sister'
c(ch)	S	S	chày	săj ²	săj ²	'pestle'
c(ch)	C	c	chớp	cəp ⁷	cəp ⁷	'lightning'
			chảy	căn ⁵	căn ⁵	'to flow'
c (ch)	C	t	chèo	cew ²	tew ²	'to row'
			chăn	căn ¹	tăn ¹	'blanket'
			chè	$c\varepsilon^2$	$t\epsilon^2$	'tea'
c (ch)	t	?	chìm	tim ²	7im ²	'to sink'
j (gi)	j/z	j/z	giặc	jăk ⁸	zăk ⁸	'bandit'
			giết	jiet ⁷	ziet ³	'to kill'
j (gi)	C	d	giận	cðn ⁴	dðn ⁴	'angry'
j (gi)	C	t	giỡn	cən ⁴	tən ⁶	'to joke'
			giàu	căw ²	tăw ²	'rich'
j (gi)	C	?/t	giùi	cuj ¹	?uj²/tuj²	'to perforate, drill'
j (gi)	S	S	gió	\mathfrak{so}^3	so^3	'wind'
j (gi)	S	C	gì/chi	si ¹	ci ¹	'what'
			giường	sian ²	c ion 2	'bed'
			giam	sam ¹	cam ¹	'to jail'
j (gi)	C	C	giếng	cien ³	cien ³	'a well'
j (gi)	Š	š	già	§a ²	ša ²	'old'
			giữa	šia ⁵	šia ⁵	'the middle'
s (x)	S	S	xương	siəŋ¹	siəŋ¹	'bone'
			xỏ	so ⁵	so ⁵	'to thread'
			xấu	s≯w³∗	sðw³	'bad, ugly'

Maspero (1912:60, note 2) claimed that the palatal nasal p seems to represent an ancient y. This statement may be proved correct with two examples: «spider» and «to jump»:

Việt (CL '	YT				
n (nh)	n	n n	hà j	la ²	na ²	'house'
•		n	hím j	im ³	pim ³	'porcupine'
n (nh)	j	z n	hện j	en ⁴	zen ⁴	'spider'
		n	hảy j	ăn ⁵	zăn ⁵	'to jump'

3.1.5 Velars

Nguồn still preserves the voiceless k which corresponds to the Vietnamese voiced $\gamma(g, gh)$:

Việt k (c, k)	CL k	YT k	có cây	ko ³ kən ¹	kə ³ kən ¹	'to have' 'tree'
x (kh)	x	x	khỉ khái	xi ⁵ xan ³	xi ⁵ xan ³	'monkey' 'tiger'
y (g, gh)	k	k	gạo gà	kðw ³ ka ²	kðw ³ ka ²	'rice' 'chicken'
γ (g, gh)	X	k	ghép	xεp ⁷	kep ⁷	'to assemble (surfaces)'
Y (g, gh)	X	X	gặp gần	xăp ⁷ xăŋ¹	xăp ⁷ xăn ¹	'to meet' 'close, near'
y (g, gh)	X	Y	gàu	xăw ¹	yăw ²	'bailer'
γ (g, gh)	S	S	gừng *.	săŋ²	səŋ²	'ginger'
ŋ(ng,ngh)	ŋ	ŋ	ngựa ngày	ŋɨa⁴ ŋǎj²	n i a ⁴ năj ²	'horse' 'day'

3.1.6 Glottals

Việt	CL	YT				
h	h	h	hàm	ham ²	ham ²	ʻjaw'
			hút	hut ⁷	hut ⁷	'to smoke'

3.2 Finals

The PVM final liquid occurring as l in many languages of the group corresponds to n in Nguồn and to j (quốc ngữ: i or y) in Vietnamese:

Việt	CL	YT				
j (i, y)	n	n	•			'cloud'
			cây	kən¹	kən ¹	'tree'

But the Nguồn final -n has a double origin. The following examples with the hỏi-ngã tones have as their correspondences in Rục words ending in -h or -lf. M. Ferlus (1975:30) has reconstructed -s which gives -ś in Thavung, -lh in Pakatan:

Việt	CL	YT	Rục	
mũi	mun ⁵	mun ²	mulf	'nose'
lưỡi	lan ⁵	lan ⁵	1 ³ arh	'tongue'

3.3 Vocalics

The following Việt-Nguồn correspondences show that the second language has preserved the ancient vocalic values well:

Việt	CL	YT				
ia (ua)	a	a	lửa	la ⁵	la ⁵	'fire'
			sữa	ra ⁵	ra ⁵	'milk'

Notice, however, that the change a > ia has occurred in Nguồn for many instances: t'ăŋ¹ sia⁵ (Việt: răng sữa) 'milk-teeth'; ria⁴ (Viêt: rựa) 'pruning knife':

o (o)	ă	ă	tóc	t'ăk ⁷	t'ăk ⁷	'hair (of head)'
o (ô)	u	u	phồng	fuŋ²	buŋ ⁶	'to inflate'
			rốn	t'un ³	t'un ³	'nombril'
o (ô)	0	u	gối	kon ³	kun ³	'knee'
o (ô)	O:	O:	lông	lom ¹	lom ¹	'feather, hair'
` , ,			ngỗng	ŋ၀ႜၯ ⁵	nom ⁵	'goose'
			trốc	to:k ³	?lo:k ³	'head'
i (ư)	Э	Э	trứng	່ [ອŋ ³	?ləŋ³	'egg'
iə (ươ)	a	a	nướng	naŋ³	naŋ ³	'to grill'
			người	ŋaj ²	ŋaj ²	'man'
			nước	dak ⁷	dak ⁷	'water'
ua (ua)	Э	၁	rùa	ro^2	ro^2	'turtle'
uo (uô)	Э	Э	muối	boj ³	vɔj³	'salt'
, ,			ruột	ro:t ⁸	ro:t ⁸	'bowels'
ðj (ây)	i	i	chấy	ci ³	ci ³	'louse (in hair of head)'
			đây	ni ¹	ni¹	'this, here'
			mây	mi^1	mi ¹	'rattan'
ðw (âu)	0	0	chấu	co ³	to ³	'grasshopper'
` ,			đâu	no^1	no^1	'where'
ðw (âu)	u	u	trầu	tu ²	$2lu^2$	'betel'
` /			trâu	tu ¹	?lu¹	'buffalo'
			gấu	ku ⁴	ku ⁴	'bear'
			9	- 		

3.4 Tones

The description of the tone system uses the etymological notation with numbers. Therefore, tones are distributed into two series, high (first register) and low (second register). First register tones marked by odd numbers historically correspond in Vietnamese to the following tones: $ngang(a^1/a)$, $s\&ac(a^3/a)$, $h\&ole in items in items in the Vietnamese tones: <math>huy\&ange in items in items in items in items in a stop form a separate category labeled D, Nguồn and Vietnamese alike will have an 8-tone system: the two extra tones are: <math>(ap^7/ap)$ and (ap^8/ap) . Phonetic features of Nguồn tones are not the same as Vietnamese.

Nguồn tones 2 and 4, i.e. those of the etymological low series, start higher than tones 1 and 3, respectively. In comparison with Vietnamese, there is a sort of inversion of the height of the starting point. Therefore, tone 2 which is higher than tone 1 is pronounced at an even higher level than the Vietnamese ngang tone.

Likewise, tone 3 which historically corresponds to the sắc tone starts lower than tone 4 which is matched with the nặng tone. Tone 3 is a rising tone; tone 4 is a falling one; both are glottalized at the end. Because of the intonation contours of 4 and 6, these two tones are often hard to distinguish. This non-distinction is not specific to Nguồn; it happens to occur also in other Quảng Bình dialects. In the Vietnamese dialects of Bắc Trạch and Hạ Trạch, two villages located at the mouth of the Gianh River, all syllables having hỏi, ngã and nặng tones are pronounced the same way, i.e. in the nặng tone (Vương Hữu Lễ and al., 1991). Nguồn tone 3 and standard Vietnamese (VS) nặng tone are very much alike; therefore, this Nguồn tone is no different in pronunciation from the sắc tone in Haut-Annam (HA) dialects. This explains the many correspondences nặng /VS-sắc /HA enumerated by L. Cadière (1902: 80).

In listening to the Nguồn talking to each other, one realizes that sometimes whole scraps of their conversation are spoken with Vietnamese tones, and the investigator of Vietnamese origin has the strange feeling of experiencing a phenomenon of mixed language: a short passage of Vietnamese followed by utterances in Nguồn. Indeed many examples exist, for which it is rather the Vietnamese tone that is produced instead of the Nguồn tone. For these instances, we use the notation ε^2 to indicate that the word should be pronounced with the Vietnamese huyền tone: $d\varepsilon n^2 = d\varepsilon n$ (dèn 'lamp').

4. Relationship between Nguon, Vietnamese and Mudng

We now return to the question that so often haunts Vietnamese linguists and ethnologists: is Nguồn a dialect of Vietnamese or a dialect of Mường? We agree with Nguyễn Văn Tài (1975) that, Nguồn is phonologically closer to Mường than to Vietnamese. But we have to recognize that the YT dialect, in contrast with the CL, is in certain phonological aspects closer to Vietnamese than to Mường. For instance, YT as well as Vietnamese oppose a voiced b to a voiceless p in CL and in Mường.

In relation to this matter, let us examine the topic of negation. Before the 17th century, the negative particle in Vietnamese was chẳng as attested in Brevis Declaratio, an appendix to Dictionarium by A. de Rhodes (1651). But since then, không, a morpheme of Chinese origin and transcribed by the character 'c' 'void, empty' has begun to be used as a negative auxiliary. From the first decades of our century, không as a negative particle has prevailed over chẳng and tends to suppress the latter (see Nguyễn P.P., 1994). In present-day Vietnamese, không is the main and common negative particle. Now, we have to recognize that in Mường, chẳng is still the prevailing negative auxiliary while in Nguồn it is không that functions as such. In this case, Nguồn turns out to be closer to Vietnamese than to Mường.

5. Conclusion

Taking into account all the aspects considered above, we think that all dialects are to be treated on the same footing. The Nguồn language is to be dealt with in terms of affinity and not in terms of affiliation of one language to another. In fact, Nguồn may be closer to the Mường language of reference than to Vietnamese, but it is a dialect of neither one.

The main aim of this paper is to offer an introductory chapter on the Nguồn language. This will be followed by a publication composed of a vocabulary and some Nguồn stories.

SELECTED BIBLIOGRAPHY

- Cadière, Léopold. 1902. "Coutumes populaires de la vallée du Nguồn Sơn." BEFEO II:352-86.
- Cadière, Léopold. 1902. "Phonétique annamite (Dialecte du Haut-Annam)." *PEFEO* III.
- Cadière, Léopold. 1905. "Les hautes vallées du sông Gianh." BEFEO 5:349-67.
- Chéon, M. A. 1907. "Note sur les dialectes Nguôn, Sac et Muong." BEFEO 7:87-100.
- Cuisinier, Jeanne. 1948. Les Mường. Géographie humaine et Sociologie. Paris: Institut d'Ethnologie.
- De Rhodes, Alexandro. 1651. Dictionarium annamiticum, lusitanum et latinum. Rome, Sacrae Congregationis de Propaganda Fide.
- Ferlus, Michel. 1975. "Vietnamien et proto-viet-muong." ASEMI 6.4:21-55.
- Ferlus, Michel. 1982. "Spirantisation des obstruantes médiales et formation du système consonantique du vietnamien." CLAO 11.1:83-106.
- Ferlus, Michel et Nguyễn Phú Phong. 1977. "Analyse de quatre articles d'ethnolinguistique Việt-Mường publiés à Hanoi." Cahiers d'Etudes Vietnamiennes 3:3-15.
- Gregerson, Kenneth J. 1969. "A Study of Middle Vietnamese Phonology." BSEI, N.S., 44.2:131-93.
- Haudricourt, André-Georges. 1953. "La place du vietnamien dans les langues austro-asiatiques." BSLP 49.1:122-8.
- Haudricourt, André-Georges. 1966. "Notes de géographie linguistique austroasiatique." Essays offered to G.H. Luce, eds. Ba Shin, J. Boisselier et A.B. Griswold, 1:131-8. Ascona: Artibus Asiae.
- Lê Văn Lý. 1948. Le parler vietnamien. Paris: Hương Anh.
- Mạc Đường. 1964. Các dân tộc miền núi miền Bắc Trung Bộ [The minority groups in northern Central Vietnam]. Hà Nội: Nhà x.b. Khoa học Xã hội.
- Maspero, Henri. 1912. "Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite. Les initiales." *BEFEO* 12.1:1-127.
- Nguyễn Dương Bình. 1975. Về thành phần dân tộc của người Nguồn [On the ethnic affiliation of the Nguồn], in Viện Dân Tộc Học 1975, pp. 472-91.
- Nguyễn Khắc Tụng. 1975. Góp phần tìm hiểu thành phần tộc người của người Nguồn qua những nhận xét về nhà ở của họ [The Nguồn, their house and their ethnic affiliation], in Viện Dân Tộc Học 1975, pp. 472-99.
- Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, et M. Ferlus. 1988. Lexique Vietnamien-Rục-Français. Paris: Université Paris VII.

Nguyễn Phú Phong. 1994. Quelques aspects de la négation en vietnamien, CLAO, Vol. 23. Linguistique et Asie Orientale. Mélanges offerts à Alexis

Rygaloff, 241-54. Paris: EHESS, CRLAO.

Nguyễn Văn Tài. 1975. Tiếng Nguồn, một phương ngôn của tiếng Việt hay một phương ngôn của tiếng Mường?, Ngôn Ngữ 4:8-16. [English translation by Miriam A. Barker, 1993. Nguồn: A dialect of Vietnamese or a dialect of Mường? MKS 22:231-44].

Thompson, Laurence C. 1976. Proto-Viet-Muong Phonology. In Oceanic Linguistics Special Publications No. 13: Austro-asiatic Studies, Part II, eds. P.N. Jenner, L.C. Thompson and S. Starosta. Honolulu: The

University Press of Hawaii, pp. 1113-1204.

Viện Dân Tộc Học. 1975. Về vấn để xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền bắc Việt Nam [On the problem of determining the ethnic affiliation of minority groups in northern Vietnam]. Hà Nội: Nhà x.b. Khoa học Xã hội.

Viện Dân Tộc Học. 1978. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc) [Ethnic minorities of Vietnam (The northern provinces)]. Hànôi: Nhà x.b.

Khoa học Xã hội.

Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng, Võ Xuân Trang 1991. Le vietnamien a-t-il jamais été un parler à quatre tons? Huế: Université de Huế (miméo).

Received: 9 May 1995

EHESS – CNRS Centre de Recherches Linguistiques sur l'Asie Orientale 54, Bd Raspail – 75006 Paris, France e-mail: pnguyen@crlao.msh-paris.fr